

KINH NGHIỆM THẾ GIỚI TRONG VIỆC THU HÚT VÀ SỬ DỤNG ODA VÀO PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ

Từ những năm 1960 trở lại đây, lịch sử vận động của nguồn ODA, đã có không ít nước và vùng lãnh thổ được đánh giá là thành công như Botswana, Đài Loan và Hàn Quốc, Ấn Độ, Bolivia và Ghana, Uganda, Việt Nam và Philippin. Thành công của những quốc gia và vùng lãnh thổ này được thể hiện ở những đóng góp của ODA trước hết vào quá trình phát triển các lĩnh vực thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đạt được những thành công đó, ngoài việc thu hút được đa dạng và đông đảo nguồn ODA, các nước trên đã có chính sách xây dựng, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA hiệu quả giúp việc phát triển tốt cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường sống, tiến tới phát triển bền vững.

1. Điều kiện để sử dụng ODA có hiệu quả

Xác định đúng chiến lược phát triển kinh tế là tiền đề cho việc thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế một cách hợp lý và hiệu quả

Diễn hình cho sự thành công này có thể kể đến Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... những nơi mà ngay từ thời kỳ đầu của công cuộc xây dựng đất nước, thực hiện phương châm khai thác tối đa nội lực và tranh thủ hiệu quả ngoại lực. Trọng tâm chiến lược được hướng vào việc tái thiết các ngành công nghiệp bị tàn phá bởi chiến tranh, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và đầu tư cho nông nghiệp để đáp ứng đủ lương thực phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu và tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp phát triển, nhất là công nghiệp chế biến. Các quốc gia và vùng lãnh thổ kể trên đã tranh thủ nguồn vốn ODA để phục vụ trọng tâm chiến lược đó, nhờ vậy mà phát huy được hiệu quả.

Hay như Botswana, từ một nước nghèo nhất thế giới, nhưng nhờ sử dụng hiệu quả viện trợ sau khi giành độc lập năm 1966 mà đã trở thành nước có GDP theo đầu người ở mức trung bình 2.000 USD. Phần lớn tăng trưởng kinh tế của nước này do công nghiệp mỏ - khai thác kim cương mang lại, nên Chính phủ đã sử dụng ODA để phát triển kết cấu hạ tầng, mà chủ yếu là phát triển cơ sở đào tạo, giao thông vận tải, nông nghiệp và lương thực... nhờ đó mà thiết lập được môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Những nước có nhận thức đúng về thực chất nguồn ODA là nguồn vay đều đầu tư cho mục đích sản xuất, phân bổ nguồn ODA vay ưu đãi tập trung vào lĩnh

vực hạ tầng kinh tế còn ODA không hoàn lại ưu tiên cho lĩnh vực hạ tầng xã hội. Song do nhiều lý do, như thiếu một chiến lược và kế hoạch tổng thể sử dụng ODA, không phối hợp chặt chẽ với chính sách kinh tế, kế hoạch tài chính chung, không đảm bảo tính hợp lý trong cân đối phân bổ nguồn vốn nên đã dẫn đến những lệch lạc và không ăn khớp nhau trong quá trình vận hành của đồng vốn, gây lãng phí vốn. Đôi khi vì tham số lượng công trình, đầu tư dàn trải vào nhiều công trình lớn, xây dựng kéo dài, chậm đưa vào sử dụng, nên kém hiệu quả. Sử dụng ODA kém hiệu quả còn do không thực hiện đấu thầu cạnh tranh rộng rãi nên đã mua thiết bị với giá cả đắt hơn rất nhiều so với giá thị trường khiến cho khoản vay ưu đãi trở thành khoản vay có lãi suất cao hơn cả lãi suất vay thương mại.

Diễn hình cho việc sử dụng ODA kém hiệu quả cơ cấu đầu tư bất hợp lý phải kể đến khu vực châu Phi, nơi mà một khối lượng viện trợ khá lớn đã được đưa vào xây dựng công sở, biệt thự lớn, chủ yếu ở thành thị, xem nhẹ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn... đã làm tăng gánh nặng nợ nần cho đất nước. Braxin cũng đã xây dựng nhiều công trình hạ tầng quy mô lớn, chiếm tới 3/4 lượng vốn cho đầu tư phát triển với nhiều nhà máy thủy điện hiện đại, có nhà máy hút số vốn gấp 10 lần số vốn cần đầu tư vào thủy lợi ở toàn bộ vùng Đông Bắc - nơi mà lĩnh vực nông nghiệp đáng lẽ phải được đầu tư để phát triển. Ngoài ra, còn nhiều dự án khác nữa như xây dựng 9 nhà máy điện hạt nhân, xây dựng tổ hợp công - nông nghiệp gang thép vùng Đông Bắc với tổng số vốn đầu tư khổng lồ là 62 tỷ USD. Kết cục là Braxin đã trở thành con nợ lớn nhất thế giới với 274 tỷ USD vào năm 1986 và là 1 trong 2 nước đầu tiên tuyên bố vỡ nợ vào tháng 8-1992.

Do đó, có thể thấy rằng đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế có quan hệ mật thiết với các mục tiêu phát triển kinh tế nói chung và phải có kế hoạch cho từng giai đoạn nhất định, cần phải có sự lựa chọn các dự án ưu tiên theo một lộ trình phù hợp với mỗi giai đoạn, mỗi vùng và mỗi khu vực. Việc lựa chọn không chỉ dựa vào phân tích chi phí, lợi ích và khả năng hoàn trả chi phí, mà còn phải đánh giá những tác động đối với tăng trưởng, đối với xóa đói, giảm nghèo, đối tượng thụ hưởng, phạm vi ảnh hưởng của từng dự án.

2. Điều kiện tăng tính hiệu quả của nguồn vốn ODA

ODA đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế chỉ có hiệu quả khi môi trường đầu tư tốt và thể chế hữu hiệu

Với nước tiếp nhận, ODA được coi là một khoản mục trong ngân sách nhà nước, chính phủ sẽ chịu trách nhiệm chi tiêu và có trách nhiệm trả nợ khi đến hạn - nghĩa là, ODA thuộc lĩnh vực chi tiêu công của nhà nước. Do đó, hiệu quả của việc quản lý sử dụng nguồn vốn này phụ thuộc rất lớn vào môi trường chính sách và thể chế của chính phủ nước tiếp nhận.

Các nghiên cứu thực tế của WB đã chỉ ra rằng, nhìn chung viện trợ tác động lớn trong môi trường quản lý tốt, ở đó 1% GDP viện trợ sẽ dẫn đến tăng trưởng bền vững tương đương là 0,5% GDP. Một nước có cơ chế quản lý tốt chỉ nhận được khoản viện trợ nhỏ nhưng đã đạt tốc độ tăng trưởng ở mức 2,2% GDP tính theo đầu người. Những nước vừa quản lý tốt vừa có nhiều viện trợ thì tốc độ tăng trưởng còn cao hơn nhiều, 3,7% GDP tính theo đầu người. Ngược lại, những nước có cơ chế quản lý tồi đều tăng trưởng một cách chậm chạp.

Tác động của viện trợ không chỉ dừng ở sự tăng trưởng mà còn góp phần giảm đáng kể tỷ lệ đói nghèo, ở các quốc gia có cơ chế quản lý tốt 1% GDP viện trợ sẽ làm giảm 1% nghèo khổ và giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, đồng thời khuyến khích đầu tư tư nhân vì họ tạo ra môi trường hạ tầng tốt hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân.

Các dự án đầu tư công cộng về đường sá, điện và giáo dục do WB tài trợ tại các quốc gia có cơ chế quản lý tốt, có chính sách lành mạnh (lạm phát thấp, ngân sách bội thu và mở cửa cho thương mại) và các thể chế nhà nước hiệu quả (ít tham nhũng, ít quan liêu trong bộ máy hành chính) thì 80% các dự án là thành công, tỷ lệ hoàn vốn cao. Tại các quốc gia có hệ thống chính sách và thể chế yếu kém, con số tương ứng chỉ đạt 48%.

Các nước có cơ chế quản lý tốt đã nhận nhiều viện trợ và sử dụng hiệu quả trong những năm 1990, có thể kể ra đó là Bôlivia, El Salvador, Gana, Honduras và Mali. Bên cạnh đó, có thể thấy viện trợ đã không có tác dụng lớn tới sự tăng trưởng ở Nicaragua do các chính sách của nước này bị bóp méo một cách nghiêm trọng, thâm hụt ngân sách lớn và lạm phát cao.

Thất bại trong sử dụng ODA ở một số nước thuộc khu vực châu Phi như Daia (hiện nay là Cộng hoà dân chủ Cônggô), Malauy, Tandania, Senegal do thực hiện ngân sách khá tùy tiện, thực chi khác rất nhiều so với dự toán và không có mối liên hệ giữa chi thường xuyên và chi đầu tư. Mặt khác, nguồn viện trợ được cung cấp nhiều nhưng các chương trình đầu tư công cộng được quyết định bởi các mục tiêu ưu tiên do nhà tài trợ đặt ra, không phù hợp mục tiêu ưu tiên của quốc gia nên đã hạn chế hiệu quả của dự án.

3. Sự tham gia của đối tượng thụ hưởng có ý nghĩa quyết định sự thành công của việc sử dụng vốn ODA trong phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế

Hiệu quả tích cực thường đạt được khi các đối tượng thụ hưởng được tham gia vào các dự án công cộng (đường sá, cầu cảng, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...).

Việc tham gia đó làm cho dự án được thiết kế phù hợp hơn với thực tế, sát với lợi ích của người hưởng lợi, tránh được tình trạng độc quyền gây lãng phí trong việc cung cấp dịch vụ công của khu vực nhà nước. Minh chứng cho nhận định này có thể dẫn ra trường hợp của Nepal, nơi mà một hệ thống thủy lợi được tài trợ lớn đã được chuyên gia kỹ thuật thiết kế với giả định là vùng hưởng lợi chưa được tưới tiêu. Nhưng may mắn nhờ một sự chậm trễ tình cờ của dự án đã cho phép người ta có thời gian để phát hiện ra rằng trên thực tế đã có 85 hệ thống thủy lợi do nông dân quản lý hoạt động tốt ở đó . Tuy nhiên, việc tham gia của người hưởng lợi vào việc thiết kế, điều hành dự án không hề dễ dàng bởi không ai muốn mua dây tự trời mình, WB đã chỉ ra rằng: các chuyên gia thủy lợi rất miễn cưỡng huy động sự tham gia ấy vì họ hiểu rằng điều đó sẽ kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Mặt khác, việc tham gia của cộng đồng nói chung và người hưởng lợi nói riêng vào các công đoạn của dự án thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế sẽ tạo điều kiện cho việc đảm bảo minh bạch tài chính, buộc các thành viên tham gia, chính phủ, người cung ứng dịch vụ có trách nhiệm hơn đối với tiến độ cũng như chất lượng dự án. Một cuộc khảo sát 121 dự án nước nông thôn ở 49 nước cho thấy 68% các dự án có sự tham gia của người hưởng lợi ở mức độ cao rất thành công, còn số các dự án có ít sự tham gia của những người hưởng lợi thì chỉ có 12% số dự án là có kết quả.

Thành công của dự án ở khía cạnh này còn được xác lập bởi việc thiết kế dự án và hành động của chính phủ. Nghĩa là, nếu những cơ quan thực hiện dự án tích cực huy động sự tham gia của người hưởng lợi dự kiến của dự án thì có 62% số dự án thành công. Ngược lại, những nơi mà các cơ quan chính phủ không tích cực huy động sự tham gia của người hưởng lợi, kết thúc dự án của họ đạt kết quả kém hơn và chỉ có 10% là thành công cao.

Ngoài ra, một nghiên cứu khác phát hiện ra rằng các dự án đầu tư có kết quả tốt hơn ở những nước mà người dân được tự do thể hiện quan điểm của mình. Chính bởi vậy, trong hàng loạt sáng kiến mới của các nhà tài trợ thì việc khuyến khích sự tham gia của những người hưởng lợi và sự làm chủ của địa phương đã được đề cao.

4. Thầu và khoán là hình thức làm cho mỗi đồng vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế có hiệu quả hơn

Thông thường, đầu tư và quản lý dịch vụ công thuộc độc quyền của các cơ quan nhà nước. Trên thực tế, độc quyền này đã làm giảm hiệu quả các dự án công và các dịch vụ công, ảnh hưởng tiêu cực tới lợi ích của người sử dụng và hiệu quả kinh tế chung của toàn xã hội.

Bằng các thử nghiệm thực tế ở một số quốc gia, Ngân hàng Thế giới đã chứng tỏ rằng việc thực hiện các dự án công và nhiều hoạt động cung cấp dịch vụ công có thể được tiến hành một cách hữu hiệu theo hình thức thầu khoán. Tổ chức này đã đưa ra nghiên cứu về trường hợp của AGETIPs (Agences d'Execution des Travaux d'Interet Public), một hiệp hội phi lợi nhuận tham gia vào các hợp đồng của chính phủ để thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng. Dự án đầu tiên là ở Senegal, một dự án được thực hiện thông qua hợp đồng với các nhà cung cấp tư nhân bằng cách đấu thầu mở rộng đã cho phép giảm chi phí và đảm bảo thời gian thực hiện. Hiện các nước Tây Phi khác cũng đã nhanh chóng sử dụng mô hình này.

Ở hình thức này, khoán là cách ký hợp đồng với các nhà cung cấp tư nhân để cung ứng dịch vụ mà chính phủ không phải từ bỏ quyền sở hữu công cộng đối với tài sản hoặc kiểm soát công cộng đối với các điều kiện phân phối dịch vụ. Song nó sẽ giúp chính phủ giảm được gánh nặng chi phí bảo dưỡng một hệ thống hạ tầng đồ sộ, đồng thời năng suất trong lĩnh vực hạ tầng sẽ được nâng cao và giảm được chi phí cho người sử dụng do quản lý tư nhân hiệu quả.

Mặt khác, dịch vụ của chính phủ thường được cung cấp miễn phí hay giảm phí cho người sử dụng (chăm sóc y tế, thủy lợi...) đã dẫn đến tình trạng sử dụng quá mức gây ách tắc cho hệ thống. Hơn nữa nhiều dịch vụ không tạo ra doanh thu, người cung cấp phụ thuộc vào ngân quỹ kho bạc, mà việc cung ứng tiền thường không đáp ứng ngay khi cần. Hậu quả là sự vận hành kém hiệu quả.

Như vậy, để tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, hình thức thầu và khoán là hình thức tốt, cần được áp dụng rộng rãi.

5. Thiết kế các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế sử dụng vốn ODA phù hợp với thực tế quan trọng hơn là số tiền mà dự án được cung cấp

Số tiền được cung cấp cho dự án không phải là điều quan trọng nhất mà chất lượng và kết quả do dự án đem lại cho người hưởng lợi mới là mục tiêu cần đạt tới. Chẳng hạn, không phải chỉ quan tâm việc xây dựng trường học mà còn phải coi trọng việc đổi mới hoạt động của các trường để nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng các trường học, bệnh viện hay đường xá sẽ là vô nghĩa nếu thiết kế không phù hợp với yêu cầu thực tế. Bởi vậy, chất lượng thiết kế là vô cùng quan trọng, nó dường như là khâu quyết định sự thành công của dự án cả về mặt kinh tế lẫn mặt xã hội.

Những cuộc điều tra gần đây của các tổ chức tài trợ quốc tế cho thấy những vấn đề kỹ thuật phát sinh phần nhiều là do khâu khảo sát, thiết kế thiếu chính xác hoặc có những sai sót trong lắp đặt và khởi công thiết bị, hay công nghệ nhập khẩu không phù hợp. Đôi khi do sự áp đặt của chính nhà tài trợ dẫn đến có nhiều chênh lệch so với yêu cầu thực tế của nước tiếp nhận, đòi hỏi phải điều chỉnh thích hợp thì dự án mới thực hiện được. Chính những trục trặc này làm cho thời gian thực hiện dự án bị kéo dài, và thường kéo theo những chi phí phát sinh, thậm chí tạo ra kẽ hở cho những hành vi tham nhũng, vì thế làm giảm hiệu quả của dự án. Vấn đề này là phổ biến đối với hầu hết các dự án hạ tầng kinh tế như đường xá, cầu cảng, bưu chính viễn thông...

6. Tăng cường quản lý việc sử dụng nguồn vốn ODA trong việc phát triển hạ tầng

Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu thì viện trợ là mảnh đất màu mỡ của nạn tham nhũng và các biến tướng của nhiều dạng thao túng, biến thủ ngân quỹ. Nạn tham nhũng trở thành một quốc nạn trong bộ máy điều hành đất nước,

từ cả những quan chức cao cấp của chính phủ. Có thể lấy Peru làm ví dụ minh họa. Peru là một trong những nước đứng đầu về nhận viện trợ ở khu vực Mỹ Latinh, chiếm vị trí thứ nhất trong mức độ hợp tác với nhiều nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Đức, Hà Lan... Thế nhưng cho đến nay, đất nước này vẫn nằm trong diện các nước kém phát triển, bởi đã từng có những cựu Tổng thống như ông Alan Garcia cùng nội các của ông ta, liên tục bị giới truyền thông tố cáo về tội tham nhũng và có liên quan đến những vụ bê bối tài chính viện trợ. Đồng thời, ở đất nước này, ngân quỹ viện trợ còn được sử dụng làm quà biếu, tặng trong những chuyến công du của Tổng thống.

Trong các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế sử dụng vốn ODA thì tệ tham nhũng là khá phổ biến và biểu hiện ở nhiều sắc thái khác nhau. Do kết cấu hạ tầng kinh tế là một lĩnh vực đầu tư có nhiều hạng mục với nhiều khoản cần mua sắm, lại phức tạp về các thông số kinh tế - kỹ thuật, bao trùm một phạm vi rộng lớn cả về quy mô số lượng lẫn tiêu chuẩn chất lượng, nên việc kiểm tra tài chính dự án là điều không dễ dàng. Ngoài ra, vật liệu, thiết bị phục vụ cho quá trình thực hiện dự án lại có nhiều lựa chọn thay thế. Bởi vậy cơ hội để rút tiền ngân quỹ của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA là không ít và điều đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng dự án. Vì vậy, cần có những công cụ để chủ động trong việc phòng chống tham nhũng, như thực hiện việc thẩm tra quá trình mua sắm, so sánh các gói thầu một cách hệ thống và đánh giá kỹ thuật, chất lượng các công trình dân dụng...

Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất thoát, lãng phí vốn là sai sót trong quá trình chọn lựa các nhà thầu. Đấu thầu cạnh tranh thường chỉ áp dụng cho các công trình có vốn đầu tư lớn (theo quy định của từng nước), song những công trình này lại thường rơi vào các doanh nghiệp nhà nước hay cơ quan thuộc chính phủ. Đó là chưa kể có dấu hiệu liên kết ngầm giữa các nhà thầu trong các cuộc đấu thầu, nên giá bỏ thầu nằm trong khoảng rất hẹp.

Ngoài ra, thất thoát vốn cũng xảy ra khi chất lượng thực hiện các dự án thấp do việc sử dụng vật liệu không đúng tiêu chuẩn hay ăn bớt vật tư, rút ruột công trình.

Kinh nghiệm thành công trong chống tham nhũng ở lĩnh vực công có thể kể đến Hồng Kông, Xingapo, Indônêxia hay Philippin, trong đó hiệu quả của việc

chống tham nhũng là nhờ đảm bảo tính minh bạch, công khai, trật tự, kỷ cương, thực thi nghiêm pháp luật.

Đặc biệt là tính minh bạch được tăng cường trong lĩnh vực mua sắm công ở Philippin. Hình thức một mua sắm công duy nhất được áp dụng đóng vai trò là nguồn thông tin gốc cho phép mua sắm các loại vật tư thông thường. Một cửa mua sắm qua mạng điện tử giúp hạn chế tối thiểu giao dịch trực tiếp giữa các nhân viên nhà nước và những người đấu thầu hợp đồng, đảm bảo việc tiếp cận thông tin công bằng cho các bên tham gia thầu hợp đồng mua sắm công. Thực tế là đã tiết kiệm được một khoản tiền lớn nhờ hình thức mua sắm qua mạng như vậy.

7. Xây dựng lộ trình cho việc trả nợ ODA

Thực hiện quản lý và điều phối ODA tập trung, xác định mức vay và chuẩn bị tốt phương án trả nợ cho từng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA

Tuy ODA là nguồn vốn mang tính chất trợ giúp phát triển, nhưng về thực chất là vốn tín dụng ưu đãi, nên sẽ phải trả nợ đúng hạn. Bởi vậy, ngay từ khi đặt vấn đề sử dụng vốn này đã phải xây dựng một phương thức quản lý hiệu quả, phải tính đến mức vay cần thiết và có phương án trả nợ.

Theo kinh nghiệm của một số nước, như kinh nghiệm của Botswana, thì việc hợp nhất công tác quản lý và điều phối ODA vào một quy trình của chính phủ sẽ đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả hơn. Việc quản lý tập trung ODA đảm bảo cho các dự án được tài trợ phù hợp với các ưu tiên của chính phủ, cho phép tính toán được đầy đủ các chi phí đôi ứng hoặc phát sinh và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà tài trợ.

Quản lý tập trung ODA cũng cải thiện được việc kiểm soát tài chính nội bộ, theo dõi được kế hoạch vay nợ, hoàn trả nợ, thực hiện các cam kết thanh toán, tránh được tình trạng các bộ tự do sử dụng tiền mà không có điều phối, gây nên những mất cân đối trong ngân sách và khó hạch toán.

Ngoài ra, một nguyên tắc trong vay ODA của Botswana là chỉ vay cho các dự án phát triển hạ tầng và tìm kiếm nguồn vốn không hoàn lại cho các lĩnh vực xã hội, hỗ trợ kỹ thuật và giáo dục đào tạo.

Đối với Thái Lan, Chính phủ nước này quy định rõ mọi khoản vay không được tính là nguồn thu ngân sách nhưng các khoản trả nợ lại phải tính vào các khoản chi phí để cân đối ngân sách quốc gia hàng năm.

Chính phủ còn khống chế mức vay nợ không vượt quá 10% thu ngân sách, mức trả nợ bằng 9% khả năng xuất khẩu hoặc 20% ngân sách nhằm cân đối khả năng vay - trả và mức xuất khẩu phù hợp với đất nước.

Nhiều dự án có nguồn vay và phù hợp với yêu cầu kinh tế - xã hội, nhưng do các chỉ tiêu (điều khoản, khả năng trả nợ...) vượt quá mức cho phép thì sẽ bị gác lại. Biện pháp này giúp Thái Lan luôn là nước trả nợ đúng hạn cho dù mức vay nợ khá cao, từ năm 1980 đến 1986 Thái Lan vay nợ bình quân 1,78 tỷ USD/năm, nhưng trung bình trả nợ khoảng trên 1 tỷ USD/năm; năm 1993 trả 2 tỷ USD.

Từ suốt thập kỷ 1990 trở lại đây, nguồn vốn ODA tài trợ cho Việt Nam tăng lên rõ rệt qua từng năm. Phần lớn lượng vốn trên được sử dụng vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhiều chương trình, dự án đã và đang có những tác động tích cực tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, là nước đi sau nên việc quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn này vẫn là vấn đề mới mẻ, do đó việc nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng ODA cho phát triển kết cấu hạ tầng của các nước và vùng lãnh thổ sẽ góp phần giúp Việt Nam thành công.

TTBD ĐBDC